

# THỰC TRẠNG VIỆC LÀM CỦA SINH VIÊN SAU KHI TỐT NGHIỆP TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM THỂ DỤC THỂ THAO HÀ NỘI GIAI ĐOẠN 2015 – 2020 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG NINH

THE EMPLOYMENT STATUS OF STUDENTS AFTER GRADUATING FROM HANOI UNIVERSITY OF PHYSICAL EDUCATION AND SPORTS IN THE PERIOD OF 2015 - 2020 IN QUANG NINH PROVINCE

<sup>1</sup>ThS. Nguyễn Tô Dẫn, <sup>2</sup>TS. Hương Xuân Nguyên

<sup>1</sup>Trường THPT Chuyên ban Cẩm Phả, Quảng Ninh, <sup>2</sup>Trường ĐH Sư phạm TDTT Hà Nội

**Tóm tắt:** Sử dụng các phương pháp nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực thể dục thể thao (TDTT) nghiên cứu tiến hành đánh giá thực trạng việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp trường Đại học sư phạm TDTT Hà Nội giai đoạn 2015 - 2020 trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh về kết quả tìm kiếm công việc, đặc điểm việc làm, nguyên nhân chưa tìm được việc làm của đối tượng nghiên cứu.

**Từ khóa:** Thực trạng; Việc làm sau khi tốt nghiệp; Cử nhân thể dục thể thao; Trường Đại học sư phạm TDTT Hà Nội.

**Abstract:** Using scientific research methods in the field of physical education and sports, the study assesses the employment status of students after graduating from Hanoi University of Physical Education and Sports in the period 2015 - 2020 in Quang Ninh province on job searching results, job characteristics, reasons for not finding a job of the research subjects.

**Keywords:** Reality; Employment after graduation; Bachelor of Physical Education and Sports; Hanoi University of Physical Education and Sports.

## 1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Việc làm là một trong những nhu cầu cơ bản nhất của người lao động để bảo đảm cuộc sống và phát triển toàn diện. Công dân có sức lao động phải được làm việc để duy trì sự tồn tại của bản thân và góp phần xây dựng xã hội, thực hiện các nghĩa vụ đối với cộng đồng, xã hội. Vì vậy, giải quyết việc làm, bảo đảm cho mọi người có khả năng lao động đều có cơ hội làm việc là trách nhiệm của Nhà nước, của các cơ sở đào tạo, của các doanh nghiệp và của toàn xã hội.

Ở nước ta hiện nay nói chung và tỉnh Quảng Ninh nói riêng, đang tồn tại một thực tế là sinh viên tốt nghiệp tại các cơ sở đào tạo hầu như chưa đáp ứng được nhu cầu của các nhà tuyển dụng, do đó họ gặp rất nhiều khó khăn trong quá trình tìm kiếm việc làm, đặc biệt là sinh viên khối Thể dục thể thao (TDTT) vốn bị coi là nhóm ngành xếp ở tốp dưới trong số các ngành nghề của xã hội. Việc làm là một vấn đề được sinh viên và cả xã hội quan tâm. Vì vậy

nếu xác định được nhu cầu và tìm ra được Giải pháp tháo gỡ khó khăn cho sinh viên đã tốt nghiệp của Nhà trường trong giai đoạn hiện nay là một vấn đề cấp bách và có ý nghĩa đặc biệt quan trọng.

Hiện nay, chưa có công trình nào nghiên cứu về việc làm của sinh viên đã tốt nghiệp trường Đại học Sư phạm (ĐHSP) TDTT Hà Nội trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh, vì vậy kết quả của nghiên cứu của đề tài sẽ góp phần tháo gỡ những khó khăn trong quá trình tìm kiếm việc làm của sinh viên Nhà trường trong giai đoạn hiện nay.

Xuất phát từ những lý do trên, chúng tôi tiến hành nghiên cứu: “*Thực trạng việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp trường Đại học sư phạm TDTT Hà Nội giai đoạn 2015 - 2020 trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh*”.

## 2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Trong quá trình nghiên cứu, đề tài đã sử dụng các phương pháp sau: Phương pháp phân tích và tổng hợp tài liệu; Phương pháp phỏng

vấn; Phương pháp điều tra xã hội học; phương pháp toán học thống kê.

**3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU**

**3.1. Đặc điểm của sinh viên tốt nghiệp trường Đại học Sư phạm TDTT Hà Nội tại tỉnh Quảng Ninh**

**3.1.1. Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp lần 1 trường ĐHSPTDTT Hà Nội**

Kết quả thống kê tỷ lệ sinh viên tỉnh Quảng Ninh tốt nghiệp lần 1 khóa Đại học 46, 47, 48 và 49 Trường ĐHSPTDTT Hà Nội được trình bày tại bảng 1.

**Bảng 1. Bảng tổng hợp tỷ lệ sinh viên nhập học và tốt nghiệp lần 1 Trường ĐHSPTDTT Hà Nội**

Tỷ lệ		Nhập học				Tốt nghiệp			
		ĐH 46 n=297	ĐH 47 n=262	ĐH 48 n=216	ĐH 49 n=142	ĐH 46 n=282	ĐH 47 n=243	ĐH 48 n=153	ĐH 49 n=114
Quảng Ninh	n	8	11	14	15	8	11	14	15
	%	1.69	4.2	6.48	10.56	2.84	4.53	9.15	13.16
Các tỉnh khác	n	289	251	202	127	274	232	139	99
	%	97.31	95.80	93.52	89.44	97.16	95.47	90.85	86.84
Tỷ lệ tốt nghiệp/nhập học SV tỉnh Quảng Ninh theo từng khóa		100%	100%	100%	100%	-	-	-	-
Tỷ lệ tốt nghiệp/nhập học của SV các tỉnh khác theo từng khóa		94.81	92.43	68.82	77.95	-	-	-	-

Qua bảng 1 cho thấy: Tỷ lệ nhập học của sinh viên tỉnh Quảng Ninh so với các tỉnh khác chiếm tỷ lệ không cao, từ 1.69% đến 10.56%. Số lượng sinh viên tỉnh Quảng Ninh nhập học không ổn định qua các khóa, có xu hướng tăng dần qua các khóa. Tỷ lệ sinh viên các khóa tốt nghiệp lần 1 đều đạt 100%.

**3.1.2. Phân loại tốt nghiệp của sinh viên Trường ĐHSPTDTT Hà Nội tỉnh Quảng Ninh**

Nghiên cứu tiến hành tìm hiểu về đặc điểm sinh viên tốt nghiệp lần 1 các khóa Đại học 46, 47, 48, 49 theo giới tính và xếp loại tốt nghiệp. Kết quả được trình bày tại bảng 2.

**Bảng 2. Đặc điểm giới tính và xếp loại tốt nghiệp của đối tượng nghiên cứu (n=48)**

Khóa	Giới tính				Xếp loại tốt nghiệp							
	Nam		Nữ		Xuất sắc		Giỏi		Khá		TB Khá	
	n	%	n	%	n	%	n	%	n	%	n	%
<b>Đại học 46 (n=8)</b>	4	50.00	4	50.00	0	0.00	2	25.00	6	75.00	0	0.00
<b>Đại học 47 (n=11)</b>	6	54.55	5	45.45	1	9.09	2	18.18	7	63.64	1	9.09
<b>Đại học 48 (n=14)</b>	9	64.28	5	35.71	1	7.14	1	7.14	5	35.72	7	50.00
<b>Đại học 49 (n=15)</b>	11	73.33	4	26.67	2	12.33	1	6.67	6	40.00	6	40.00
<b>Tổng (n=48)</b>	30	62.5	18	37.5	4	8.33	6	12.5	24	50.00	14	28.83
$\chi^2$					8.936							
P					P= 0.0566 >0.05							

## Kết quả nghiên cứu về Giáo dục thể chất và Thể thao trường học

Kết quả bảng 2 cho thấy: Với đặc thù là trường chuyên ngành nên tỷ lệ nữ sinh viên học ít hơn so với nam, chiếm tỷ lệ 37.5% trên tổng 4 khóa và từ 26.67% - 50% đối với từng khóa, tuy nhiên, tỷ lệ nữ đang có xu hướng giảm dần, nếu không khắc phục sẽ dẫn đến sự thiếu hụt nguồn nhân lực nữ TĐTT.

Về xếp loại tốt nghiệp: ở 4 khóa Đại học 46, 47, 48 và 49 đa số tốt nghiệp đạt loại giỏi và khá, đặc biệt là tỷ lệ xếp loại tốt nghiệp khá với 50% trên tổng 4 khóa và từ 40.00% đến 75% trong từng khóa, tuy nhiên, tỷ lệ đạt loại Xuất sắc và Giỏi thấp với lần lượt là 8.33% và 12.5%.

### 3.2. Thực trạng việc làm của cử nhân tốt nghiệp trường ĐHSP TĐTT Hà Nội Tỉnh Quảng Ninh

#### 3.2.1. Xác định các tiêu chí đánh giá thực trạng việc làm của cử nhân tốt nghiệp trường ĐHSP TĐTT Hà Nội tại tỉnh Quảng Ninh

Thông qua tham khảo các tài liệu và trao đổi với các chuyên gia về lĩnh vực quản lý đào tạo, chúng tôi đã xác định được 22 tiêu chí đánh giá thực trạng việc làm của cử nhân tốt nghiệp trường ĐHSP TĐTT Hà Nội tỉnh Quảng Ninh, gồm:

Thông tin chung về đặc điểm việc làm: 8 tiêu chí

Tham gia bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng trong quá trình làm việc: 4 tiêu chí

Mức độ đáp ứng việc làm của cử nhân tốt nghiệp trường ĐHSP TĐTT Hà Nội tỉnh Quảng Ninh được phân thành 3 nhóm với 10 tiêu chí:

*Nhóm tiêu chí về kiến thức: 3 tiêu chí*

*Nhóm các tiêu chí về kỹ năng: 4 tiêu chí*

*Nhóm các tiêu chí về thái độ: 3 tiêu chí*

Chúng tôi chỉ lựa chọn những tiêu chí đạt từ 80% ý kiến để đánh giá thực trạng việc làm của cử nhân tốt nghiệp trường ĐHSP TĐTT Hà Nội tại tỉnh Quảng Ninh. Kết quả phỏng vấn được trình bày tại bảng 3.

**Bảng 3. Kết quả phỏng vấn lựa chọn tiêu chí đánh giá thực trạng việc làm của đối tượng nghiên cứu (n=30)**

TT	Tiêu chí	Kết quả	
		n	%
<b>Thông tin chung về đặc điểm việc làm</b>			
1	TC1.1. Kết quả tìm kiếm việc làm	27	90
2	TC1.2. Thời gian tìm được việc	26	86.67
3	TC1.3. Kênh thông tin tìm việc	28	93.33
4	TC1.4. Loại hình cơ quan công tác	29	96.67
<b>5</b>	<b>TC1.5. Địa bàn làm việc</b>	<b>18</b>	<b>60</b>
6	TC1.6. Vị trí việc làm	28	93.33
7	TC1.7. Mức độ phù hợp của công việc đối với ngành đào tạo	29	96.67
8	TC1.8. Mức thu nhập bình quân theo tháng	25	83.33
<b>Tham gia bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng trong quá trình làm việc</b>			
<b>9</b>	<b>TC2.1. Mức độ hài lòng của bản thân đối với công việc</b>	<b>17</b>	<b>56.67</b>
10	TC2.2. Nhận thức về tầm quan trọng của các khóa đào tạo nâng cao đối với khả năng đáp ứng công việc	28	93.33
11	TC2.3. Các khóa đào tạo nâng cao sau làm việc	29	96.67
12	TC2.4. Đánh giá kỹ năng và kiến thức đã tiếp thu được trong trường học	25	83.33
<b>Mức độ đáp ứng việc làm</b>			
<i>* Nhóm tiêu chí về kiến thức</i>			

## Kết quả nghiên cứu về Giáo dục thể chất và Thể thao trường học

TT	Tiêu chí	Kết quả	
		n	%
13	TC3.KT.1. Kiến thức nghiệp vụ sư phạm	27	90
14	TC3.KT.2. Kiến thức lý thuyết về kỹ thuật các môn thể thao chuyên ngành	26	86.67
15	TC3.KT.3. Kiến thức nền tảng về lĩnh vực TDTT và có thể tiếp tục học tập ở trình độ cao hơn	28	93.33
<i>* Nhóm tiêu chí về kỹ năng</i>			
16	TC3.KN.1. Kỹ năng truyền đạt, thực hành và tổ chức giảng dạy các môn thể thao	28	93.33
17	TC3.KN.2. Kỹ năng xây dựng kế hoạch tổ chức thi đấu và trọng tài các hoạt động TDTT quần chúng	29	96.67
18	TC3.KN.3. Kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản	25	83.33
19	TC3.KN.4. Kỹ năng tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ	28	93.33
<i>* Nhóm tiêu chí về thái độ</i>			
20	TC3.TĐ.1. Tính độc lập, tự chủ và sáng tạo	26	86.67
21	TC3.TĐ.2. Tinh thần đoàn kết, thái độ thân thiện, hợp tác với đồng nghiệp và cá nhân trong và ngoài đơn vị	28	93.33
22	TC3.TĐ.3. Tác phong làm việc nghiêm túc	25	83.33

Phân tích kết quả bảng 3 và dựa theo nguyên tắc phỏng vấn đặt ra, có 20/22 tiêu chí đạt được trên 80% ý kiến phỏng vấn trở lên, vì vậy đề tài quyết định lựa chọn 20 tiêu chí này để đánh giá thực trạng việc làm của cử nhân tốt nghiệp trường ĐHSP TDTT Hà Nội tại tỉnh Quảng Ninh.

### 3.2.2. Kết quả tìm kiếm công việc của cử nhân tốt nghiệp trường ĐHSP TDTT Hà Nội tại tỉnh Quảng Ninh

**Bảng 4. Bảng tổng hợp kết quả tìm kiếm việc làm của cử nhân tốt nghiệp Trường ĐHSP TDTT Hà Nội tại tỉnh Quảng Ninh sau 1 năm (n=39)**

Khóa	Có việc làm		Chưa có việc làm		So sánh	
	n	%	n	%	$\chi^2$	P
Khóa ĐH 46 (n=6)	4	66.67	2	33.33	1.2865	0.5078
Khóa ĐH 47 (n=9)	5	55.56	4	44.44		
Khóa ĐH 48 (n=12)	8	66.67	4	33.33		
Khóa ĐH 49 (n=12)	7	58.33	5	41.67		

Phân tích kết quả trình bày ở bảng 4 cho thấy: Về tổng tỷ lệ sinh viên có việc làm: Sau 1 năm tốt nghiệp có 61.54% sinh viên đã có việc làm. Như vậy, đa số sinh viên đã tìm được cho mình một công việc ở thời điểm sau 1 năm tốt nghiệp.

Trong quá trình khảo sát, chúng tôi liên lạc được từ 75% - 85% số sinh viên đã tốt nghiệp tại các khóa. Vì vậy, kết quả tìm kiếm việc làm của cử nhân tốt nghiệp trường ĐHSP TDTT Hà Nội tại tỉnh Quảng Ninh khóa Đại học 46, 47, 48 và 49 được chúng tôi xác định trên tổng số đối tượng liên lạc được và được thực hiện tại thời điểm 1 năm sau khi ra trường. Kết quả tìm kiếm việc làm được trình bày tại bảng 4.

### 3.2.3. Đặc điểm việc làm của cử nhân tốt nghiệp trường ĐHSP TDTT Hà Nội tại tỉnh Quảng Ninh

Đề tài tiến hành tìm hiểu về đặc điểm việc làm của nhóm cử nhân tốt nghiệp trường ĐHSP

TDDT Hà Nội tại tỉnh Quảng Ninh đã có việc làm. Kết quả được trình bày tại bảng 5.

**Bảng 5. Đặc điểm việc làm của cử nhân tốt nghiệp trường ĐHSP TDDT Hà Nội tại tỉnh Quảng Ninh sau 1 năm (n=24)**

TT	Nội dung		Kết quả	
			n	%
1	TC1.2. Thời gian tìm được việc	Dưới 6 tháng	20	83.33
		Từ 6 – 12 tháng	4	16.67
2	TC1.3. Kênh thông tin tìm việc	Nhà trường giới thiệu	0	0.00
		Bạn bè, người quen giới thiệu	14	58.33
		Trung tâm giới thiệu việc làm	0	0.00
		Hội chợ việc làm	0	0.00
		Thông qua quảng cáo của đơn vị tuyển dụng	6	25.00
		Tự tạo việc làm	4	16.67
3	TC1.4. Loại hình cơ quan công tác	Nhà nước	18	75.00
		Doanh nghiệp tư nhân	6	25.00
		Doanh nghiệp nước ngoài		
		Hộ kinh doanh cá thể		
4	TC1.5. Vị trí việc làm	Giáo viên GDTC	22	91.67
		Cán bộ chuyên môn về TDDT		
		Hướng dẫn viên TDDT		
		Các loại khác	2	8.33
5	TC1.6. Mức độ phù hợp của công việc đối với ngành đào tạo	Rất phù hợp	18	75.00
		Phù hợp		
		Không phù hợp	6	25.00
6	TC1.7. Mức thu nhập bình quân theo tháng (VNĐ)	<3 triệu	6	25.00
		3 – 5 triệu	10	41.67
		> 5 triệu	8	33.33

Qua bảng 5 cho thấy: Đa số sinh viên tốt nghiệp của cả 4 khóa tìm được việc làm ngay sau khi ra trường và dưới 6 tháng chiếm tỷ lệ 83.33%. Số lượng cử nhân tìm được việc làm sau 6 tháng chiếm tỷ lệ 16.67%.

Về các kênh thông tin tìm việc: Kênh thông tin chủ yếu để tìm kiếm việc làm của các cử nhân chính là thông qua bạn bè, người quen giới thiệu với tỷ lệ 58.33%, tiếp đến là thông qua quảng cáo của đơn vị tuyển dụng với tỷ lệ 25%, cuối cùng là tự tạo việc làm chiếm tỷ lệ thấp nhất với 16.67% , các kênh thông tin còn lại như Nhà trường giới thiệu, Trung tâm giới thiệu việc làm hay Hội chợ việc làm chưa được các cử nhân chú ý tới.

Về loại hình cơ quan công tác: Kết quả khảo sát cho thấy, môi trường làm việc trong cơ quan nhà nước vẫn là nơi có sức thu hút mạnh mẽ đối với các sinh viên mới tốt nghiệp khi có đến 75.0% cử nhân ở 4 khóa đang làm việc trong khu vực này; các câu lạc bộ TDDT, doanh nghiệp tư nhân với tỷ lệ 25.0%.

Về mức độ phù hợp của công việc với ngành đào tạo: Đa số công việc hiện tại ở mức rất phù hợp với ngành đào tạo, tương ứng theo các khóa với tỷ lệ 75.0%, công việc hiện tại “không phù hợp” chiếm tỷ lệ 25.0%.

Về mức thu nhập: Cử nhân ở cả 4 khóa chủ yếu tập trung ở mức thu nhập từ 3-5 triệu/tháng với tỷ lệ 41.67%; Trên 5 triệu/tháng chiếm 33.33%.

**3.3. Nguyên nhân chưa tìm được việc làm của cử nhân tốt nghiệp trường ĐHSP TĐTT Hà Nội tại tỉnh Quảng Ninh**

Từ thực trạng tìm kiếm việc làm trên, chúng tôi tiến hành tìm hiểu những nguyên nhân khiến các cử nhân tốt nghiệp trường ĐHSP TĐTT Hà Nội tại tỉnh Quảng Ninh khóa Đại học 46, 47, 48 và 49 sau 1 năm tốt nghiệp chưa tìm được công việc. Đối tượng

khảo sát là 15 cử nhân chưa tìm được việc làm. Việc tìm hiểu các nguyên nhân chưa có việc làm của cử nhân tốt nghiệp tại tỉnh Quảng Ninh sẽ giúp đề tài đánh giá được những hạn chế còn tồn tại trong quá trình tìm hiểu thực trạng việc làm của đối tượng nghiên cứu, từ đó làm cơ sở cho các nghiên cứu tiếp theo. Qua kết quả khảo sát, chúng tôi đã tổng hợp được 9 nguyên nhân, cụ thể được trình bày tại bảng 6.

**Bảng 6. Nguyên nhân chưa tìm được việc làm của cử nhân tốt nghiệp Trường ĐHSP TĐTT Hà Nội tại tỉnh Quảng Ninh (n=15)**

TT	Nguyên nhân	n	%
1	<b>Thiếu các mối liên hệ với nhà tuyển dụng</b>	<b>10</b>	<b>66.67</b>
2	Kỹ năng Ngoại ngữ, công nghệ thông tin chưa đáp ứng được yêu cầu của vị trí tuyển dụng	8	53.33
3	<b>Thiếu kinh nghiệm làm việc</b>	<b>9</b>	<b>60.00</b>
4	Thiếu kiến thức và kỹ năng chuyên môn nghiệp vụ	5	33.33
5	<b>Chưa chủ động nắm bắt thông tin tuyển dụng</b>	<b>9</b>	<b>60.00</b>
6	Thiếu điều kiện tài chính	4	26.67
7	Thiếu các chứng chỉ bồi dưỡng chuyên môn TĐTT và các chứng chỉ khác	8	53.33
8	<b>Chưa có định hướng nghề nghiệp</b>	<b>9</b>	<b>60.00</b>
9	Các lý do khác	3	20.00

Qua bảng 6 cho thấy, một số lượng lớn cử nhân tốt nghiệp tại tỉnh Quảng Ninh chưa tìm được một công việc là do “Thiếu các mối liên hệ với nhà tuyển dụng”, “Thiếu kinh nghiệm làm việc” và “Chưa có định hướng nghề nghiệp” với tỷ lệ lần lượt là 63.67%, 60.00% và 60.00%. Một số các nguyên nhân khác như: Kỹ năng Ngoại ngữ, công nghệ thông tin chưa đáp ứng được yêu cầu của vị trí tuyển dụng; Chưa chủ động nắm bắt thông tin tuyển dụng và Thiếu các chứng chỉ bồi dưỡng chuyên môn TĐTT và các chứng chỉ khác cũng đều là những vấn đề rất đáng chú ý.

**KẾT LUẬN**

Tỷ lệ sinh viên trường ĐHSP TĐTT Hà Nội thuộc địa bàn tỉnh Quảng Ninh tốt nghiệp lần 1 đạt 100%, tỷ lệ nữ sinh viên ít hơn so với nam sinh viên và đang có xu hướng giảm dần, đa số sinh viên tốt nghiệp đạt loại giỏi và khá.

Đa số sinh viên tỉnh Quảng Ninh đã tìm được việc làm sau 1 năm tốt nghiệp. Trong đó, 75.0% làm việc trong cơ quan nhà nước, 25.0% làm việc cho các doanh nghiệp tư nhân, công việc hiện tại phù hợp với ngành đào tạo chiếm tỷ lệ 75.0%, công việc hiện tại “không phù hợp” chiếm tỷ lệ 25.0%.

Nguyên nhân cử nhân tốt nghiệp trường ĐHSP TĐTT Hà Nội tỉnh Quảng Ninh chưa tìm được một công việc là do thiếu các mối liên hệ với nhà tuyển dụng, thiếu kinh nghiệm làm việc và chưa có định hướng nghề nghiệp. Một số các nguyên nhân khác như: Kỹ năng Ngoại ngữ, Công nghệ thông tin chưa đáp ứng được yêu cầu của vị trí tuyển dụng; Chưa chủ động nắm bắt thông tin tuyển dụng, thiếu các chứng chỉ bồi dưỡng chuyên môn TĐTT và các chứng chỉ khác.

**Tài liệu tham khảo**

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2016), *Công văn số 4806/BGDĐT – GDĐH ngày 28/9/2016 về việc Báo cáo tình hình việc làm của sinh viên tốt nghiệp.*
2. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2016), *Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học.*
3. Chính phủ (2013), *Quyết định số 2160/QĐ-TTg ngày 11/11/2013 Về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển thể dục, thể thao Việt Nam đến năm 2020, định hướng đến năm 2030.*
4. Dương Nghiệp Chí, Trần Đức Dũng, Tạ Hữu Hiếu, Nguyễn Đức Văn (2004), *Đo lường thể thao*, Nxb TDTT Hà Nội.
5. Lưu Quang Hiệp (2013), *Thực trạng và nhu cầu nguồn nhân lực thể thao đến năm 2020 các tỉnh phía Bắc*, Đề tài khoa học và công nghệ cấp Bộ, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

**Nguồn bài báo:** Bài báo được trích dẫn từ Luận văn thạc sĩ Giáo dục học (2021): “*Nghiên cứu giải pháp việc làm cho sinh viên đã tốt nghiệp trường Đại học sư phạm TDTT Hà Nội giai đoạn 2020 – 2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh*”. Đề tài đã bảo vệ và được thông qua trước Hội đồng Khoa học trường Đại học sư phạm TDTT Hà Nội.

Ngày nhận bài: 15/12/2021  
Ngày đánh giá: 04/01/2022  
Ngày duyệt đăng: 25/01/2022